TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/DS-ST
Ngày: 22-7-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Kiểm

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lý Mai Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2026/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 320/2026/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hợp tác xã Giao thông vận tải Yên Thế; địa chỉ: Số 179 đường Hoàng Hoa Thám, xã Yên Thế, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thu H - Giám đốc. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1986; nơi đăng ký thường trú: Thôn Am, xã Yên Thế, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Tân Hiệp, xã Yên Thế, tỉnh Bắc Ninh); hiện ở nước ngoài, không xác định được địa chỉ cụ thể. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hợp tác xã Giao thông vận tải Yên Thế do bà Nguyễn Thu H là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 31/10/2022, bà Hoàng Thị H là người lao động của Hợp tác xã Giao thông vận tải Yên Thế. Bà H có đơn xin vay vốn để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Trước đó, ngày 25/10/2022, Hội đồng quản trị Hợp tác xã đã họp, thống nhất triển khai hoạt động trợ giúp vốn cho người lao động theo Điều lệ và phê duyệt cho bà H vay số tiền 100.000.000 đồng.

Cùng ngày 31/10/2022, Hợp tác xã và bà H lập Đơn xin vay tiền, Giấy biên nhận vay tiền và Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV. Nội dung các tài liệu thể hiện Hợp tác xã giao cho bà H 100.000.000 đồng; mục đích vay để kinh doanh; thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 31/10/2022 đến ngày 31/10/2023; bà H có nghĩa vụ hoàn trả tiền gốc và thanh toán tiền lãi hàng tháng. Hợp đồng ghi lãi suất theo thỏa thuận; nguyên đơn trình bày các bên thực tế thỏa thuận mức 1%/tháng. Hợp đồng còn ghi bà H thế chấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn không yêu cầu xử lý giấy chứng nhận này hoặc tài sản bảo đảm, chỉ yêu cầu bà H thanh toán tiền gốc và tiền lãi.

Đến trước khi hết thời hạn vay, bà H không có khả năng thanh toán một lần nên ngày 19/10/2023 lập Bản cam kết trả nợ, xác nhận còn nợ 100.000.000 đồng tiền gốc và đề nghị được trả dần trong 08 tháng. Hợp tác xã ban hành Thông báo số 69/TB-HTX ngày 19/10/2023 về lịch trả nợ, theo đó dự kiến mỗi tháng bà H thanh toán 12.500.000 đồng tiền gốc và một khoản tiền lãi. Trong quá trình thực hiện, Hợp tác xã xác định đã thu của bà H tổng cộng 49.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi; số tiền gốc còn lại là 51.000.000 đồng. Từ ngày 01/8/2024, bà H không thanh toán thêm khoản nào mặc dù Hợp tác xã đã nhiều lần thông báo, yêu cầu trả nợ.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà H trả 51.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi chậm trả. Ngày 08/01/2026, do tại thời điểm làm việc chưa xác định được số tiền lãi cụ thể, nguyên đơn có ý kiến tạm rút phần yêu cầu về lãi. Sau khi vụ án được thụ lý, ngày 06/3/2026 và tại Bản tự khai, nguyên đơn xác định lại yêu cầu cuối cùng: Buộc bà H trả 51.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi chậm trả tính trên số tiền gốc còn nợ theo mức 10%/năm, kể từ ngày khởi kiện 11/12/2025 cho đến khi thanh toán xong; nguyên đơn không yêu cầu tính lãi từ ngày 01/8/2024 đến trước ngày khởi kiện và không yêu cầu áp dụng mức lãi trong Biên bản họp Hội đồng quản trị.

Về tư cách của bà H tại Hợp tác xã, nguyên đơn xác định khi xác lập khoản vay bà H là người lao động của Hợp tác xã. Hợp đồng lao động trước đây do kế toán quản lý tại văn phòng ở thành phố Bắc Giang; sau khi kế toán nghỉ việc, văn phòng bị ngập nước nên tài liệu này bị thất lạc, Hợp tác xã không còn lưu giữ. Nguyên đơn giao nộp Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp thể hiện từ tháng 10/2021 đến tháng 11/2022 bà H làm việc với chức

danh "Nhân viên" tại Hợp tác xã Giao thông vận tải Yên Thế, mức đóng 3.500.000 đồng/tháng; đồng thời giao nộp thẻ nhân viên, hồ sơ vay, Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu theo dõi việc trả nợ.

Về Điều lệ, nguyên đơn giao nộp bản Điều lệ Hợp tác xã có Điều 29 quy định "Hoạt động trợ giúp vốn nội bộ cho thành viên và người lao động", trong đó xác định mục đích hỗ trợ vốn để đầu tư phương tiện, công cụ kinh doanh, tạo thu nhập, cải thiện đời sống; điều kiện đối với thành viên là góp đủ vốn điều lệ, tham gia sinh hoạt và không có nợ xấu; đối với người lao động là có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm tại Hợp tác xã; thời hạn vay không quá 12 tháng; lãi suất do Hội đồng quản trị quyết định, không cao hơn lãi suất ngân hàng thương mại trên địa bàn, bảo đảm bù đắp chi phí và rủi ro; nguồn vốn cho vay được giới hạn trong một phần vốn nhàn rỗi của Hợp tác xã.

Kết quả xác minh ngày 09/3/2026 tại thôn Am, xã Yên Thế thể hiện bà H vẫn đăng ký thường trú tại địa phương nhưng vắng mặt từ năm 2025. Gia đình cho biết bà H đi nước ngoài nhưng không thông báo và không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi bà đang cư trú. Tại Công văn số 693/QLXNC ngày 11/3/2026, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Bắc Ninh cho biết qua tra cứu Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, bà H đã xuất cảnh lần gần nhất ngày 22/7/2025 và chưa có thông tin nhập cảnh. Hồ sơ không có tài liệu xác định địa chỉ cụ thể của bà H ở nước ngoài.

Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi đăng ký thường trú cuối cùng của bà H nhưng bà không gửi bản tự khai, không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ, địa chỉ cư trú ở nước ngoài và không tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị buộc bà Hoàng Thị H thanh toán 51.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi trên số tiền gốc còn nợ theo mức 10%/năm (0,83%/tháng), tính từ ngày khởi kiện 11/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/7/2026, tương ứng 07 tháng 11 ngày là 3.118.300 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bà H thanh toán là 54.118.300 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ theo các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hoàng Thị H phải trả Hợp tác xã Giao

thông vận tải Yên Thế tổng số tiền 54.118.300 đồng (Năm mươi bốn triệu một trăm mười tám nghìn ba trăm đồng), gồm: tiền nợ gốc 51.000.000 đồng (Năm mươi mốt triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 22/7/2026 là 3.118.300 đồng (Ba triệu một trăm mười tám nghìn ba trăm đồng). Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị giải quyết nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV ngày 31/10/2022. Khoản vay được Hợp tác xã xác lập trong phạm vi hoạt động trợ giúp vốn cho người lao động theo Điều lệ, có mục tiêu tương trợ, không vì mục đích lợi nhuận nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi đăng ký thường trú và địa chỉ được ghi trong hợp đồng tại thôn Am, xã Yên Thế, tỉnh Bắc Ninh. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh theo khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Qua xác minh, bà Hoàng Thị H vẫn đăng ký thường trú tại thôn Am, xã Yên Thế, tỉnh Bắc Ninh nhưng đã xuất cảnh, không thông báo địa chỉ mới cho Hợp tác xã và Tòa án; gia đình và chính quyền địa phương không biết địa chỉ cụ thể của bà H ở nước ngoài nên được xác định là cố tình giấu địa chỉ theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa; tại phiên tòa mở lại, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bị đơn bà Hoàng Thị H không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản:

[2.2] Về việc xác lập, thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ trả nợ gốc:

Đơn xin vay tiền, Giấy biên nhận vay tiền và Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV ngày 31/10/2022 đều có chữ ký của bà H, chữ ký người đại diện và dấu của Hợp tác xã; thể hiện rõ số tiền giao nhận là 100.000.000 đồng, mục đích, thời hạn và nghĩa vụ hoàn trả. Bản cam kết ngày 19/10/2023 tiếp tục xác nhận số tiền gốc 100.000.000 đồng. Việc bà H đã trả một phần gốc và lãi là hành vi thực hiện hợp đồng, đồng thời xác nhận việc đã nhận tiền. Do đó, đủ căn cứ xác định Hợp tác xã đã giao đủ 100.000.000 đồng cho bà H.

Đối với nội dung "thế chấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh", Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là giấy tờ ghi nhận thông tin đăng ký, không phải là tài sản theo Điều 105 Bộ luật Dân sự và không thể trở thành đối tượng thế chấp theo Điều 317 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, nội dung này không làm phát sinh quyền bảo đảm, quyền ưu tiên thanh toán hoặc quyền xử lý giấy chứng nhận của Hợp tác xã. Theo Điều 29 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP, việc nội dung về biện pháp bảo đảm không có hiệu lực không làm mất hiệu lực của nghĩa vụ được bảo đảm. Nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, bị đơn không có yêu cầu về việc trả lại giấy chứng nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét, quyết định trong vụ án này; nội dung trên không ảnh hưởng đến nghĩa vụ trả nợ của bà H.

Theo bảng theo dõi thanh toán, các thông báo đòi nợ và lời khai của nguyên đơn, bà H đã trả 49.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 51.000.000 đồng. Bị đơn đã được thông báo về yêu cầu khởi kiện nhưng không có ý kiến phản đối, không xuất trình chứng từ chứng minh đã thanh toán thêm. Thời hạn vay đến ngày 31/10/2023, gia hạn thêm 8 tháng là tháng 6/2023; kể từ đó bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Yêu cầu buộc bà H hoàn trả 51.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi:

Mặc dù các bên có thỏa thuận về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi trong hạn và lãi quá hạn trước ngày khởi kiện mà chỉ yêu cầu tính lãi trên số

tiền gốc còn nợ 51.000.000 đồng theo mức 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng, từ ngày 11/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/7/2026 là 07 tháng 11 ngày. Yêu cầu này phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự và không vượt quá mức lãi suất quy định tại các điều 466, 468 Bộ luật Dân sự. Tiền lãi được xác định là 3.118.300 đồng; tổng số tiền bà Hoàng Thị H phải thanh toán cho Hợp tác xã Giao thông vận tải Yên Thế là 54.118.300 đồng.

[2.3] Về lãi suất chậm thi hành án: Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu trường hợp bà Hoàng Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Yêu cầu này không vượt quá phạm vi quyền định đoạt của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà H phải chịu là: 54.118.300 đồng × 5% = 2.705.915 đồng. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung; các điều 105, 117, 119, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã Giao thông vận tải Yên Thế.

Buộc bà Hoàng Thị H phải thanh toán cho Hợp tác xã Giao thông vận tải Yên Thế tổng số tiền 54.118.300 đồng (Năm mươi bốn triệu một trăm mười tám nghìn ba trăm đồng), gồm: tiền nợ gốc 51.000.000 đồng (Năm mươi mốt triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 22/7/2026 là 3.118.300 đồng (Ba triệu một trăm mười tám nghìn ba trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Hoàng Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Hoàng Thị H phải chịu 2.705.915 đồng (Hai triệu bảy trăm linh năm nghìn chín trăm mười lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Hợp tác xã Giao thông vận tải Yên Thế 1.275.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001017 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn đang cư trú ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 34, 36 và 72 của Luật này; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mai Hương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 3 - Bắc Ninh;
- THADS khu vực 3 - Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.